

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN LIỆT VÔNG SỐ

QUYỂN 5

MỤC 2. Đối trị tà chấp:

Chia làm hai:

- A1. Nêu chung hai chấp
- A2. Giải thích riêng từng kiến chấp.

A1. Nêu chung hai chấp:

Đối trị tà chấp nghĩa là tất cả tà chấp đâu chẳng đều nương ngã kiến mà khởi, nếu lìa ngã kiến thì không có tà chấp. Ngã kiến có hai thứ: Nhân ngã kiến và pháp ngã kiến.

Nếu thông đạt thật nghĩa đã trình bày ở đoạn trước là hai môn một tâm, chắc chắn không khởi hai thứ chấp ngã, vì toàn thể chân như mà thành sinh diệt thì chân như chắc chắn chẳng phải nhân thật, Pháp thật. Vì đương thể sinh diệt tức là chân như thì sinh diệt chắc chắn chẳng phải Nhân thật, Pháp thật, nên kinh Lăng-già nói: Nên nương Như Lai Vô tạng ngã.

Nhưng Phật nói pháp hoặc vì đối trị phàm phu thì chuyên phá chấp Nhân Ngã, hoặc vì đối trị Nhị thừa thì chuyên phá chấp Pháp Ngã. Do đối trị chấp nhân ngã phương tiện lập bày là pháp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới đều chẳng phải pháp thật. Nhị thừa nương theo đây mà khởi pháp chấp.

Do đối trị chấp Pháp Ngã, nên nói như thật chỉ do thức biến hiện, nương tám thức gọi tạm là người, chẳng phải người thật. Phàm phu nương theo đây mà khởi Nhân chấp, nên nói tất cả kiến chấp ngoại đạo đều từ Phật pháp có ra, tất cả tà chấp là biên kiến, tà kiến và hai thủ v.v... của phàm phu, đều nương chấp Nhân Ngã sinh ra.

Nhị thừa chấp sắc, Bất tương ưng và vô vi v.v... đều nương chấp Pháp Ngã sinh ra.

A2. Giải thích riêng từng Kiến chấp:

Chia làm hai:

- B1. Chấp Nhân Ngã.

B2. Chấp Pháp ngã.

B1. Chấp Nhân Ngã:

Chia làm hai:

C1. Dứt Trừ Ngã kiến

C2. Kể những kiến chấp khác được phá trừ

C1. Dứt Trừ Ngã kiến:

Chấp Nhân Ngã là nương các phàm phu nói có năm thứ.

Chấp Nhân Ngã cũng gọi là Ngã chấp, vì nương Ngã si khởi Ngã kiến, vì nương Ngã kiến mà khởi Ngã ái, Ngã mạn; Vì nương Ngã ái nên chấp Ngã sở, vì nương chấp Ngã, Ngã sở nên khi thuận thì tham, khi nghịch thì sân, khởi đủ vô lượng các pháp phiền não, nên chấp Nhân Ngã chỉ nương phàm phu mà nói là có. Nếu chứng quả Tu-đà-hoàn của Tiểu thừa thì sẽ dứt hẳn tà chấp này, hướng chi là Đại thừa!

Như trong kinh nói Pháp thân Như Lai rất ráo vắng lặng cũng như hư không, phàm phu nghe vậy không hiểu nghĩa ấy nên chấp tánh Như Lai giống như hư không, là thường, là thật có khắp nơi.

Đây tức là ngoại đạo chấp có thần ngã trùm khắp các cõi ở mười phương, thể thường trùm khắp lượng bằng hư không, vốn là do hiểu lầm nghĩa Pháp thân, thành ra ngoại đạo chấp có Thần ngã chứ chẳng phải Pháp thân vắng lặng.

Vì trừ chấp kia, nói tướng hư không, chỉ là phân biệt, không thật có. Có kiến chấp, có đối đãi với các sắc, dùng tâm phân biệt nói là hư không. Sắc chỉ là vọng tâm phân biệt, nên biết hư không cũng không có tự Thể.

Ngoại đạo kia chấp Ngã đồng với hư không, là thường, là có thật, nay trước nói hư không sở đồng chẳng thường, chẳng có thật, thì Ngã năng đồng ắt cũng chẳng thường, chẳng có thật.

Có kiến chấp là dùng tâm phân biệt gọi là hư không, ở đây là tướng sở duyên nên chẳng thường. Có đối đãi là đối đãi với các sắc; chỗ không có sắc gọi là không, là pháp đối đãi nên chẳng thật có. Lại nữa, Sắc chỉ là vọng tâm phân biệt, không có thật thể, hư không chẳng có sắc, há có thật thể ư? Hư không đã không có thật thể thì Ngã được chấp là đồng hư không, cũng không có thật thể.

Tất cả cảnh tướng chỉ là chỗ phân biệt của vọng tâm, nếu lìa vọng tâm thì tướng cảnh giới mất diệt. Chỉ có tâm chân như chẳng ở đâu không cùng khắp. Đây là nghĩa tự tánh Như Lai như hư không, chẳng phải nói như hư không là thường là có.

Tất cả cảnh tướng tức là hoặc sắc hoặc không. Tướng cảnh giới

diệt tức không và sắc đều chẳng có. Không và sắc đều không có, há có thể vọng cho là Như Lai đồng như hư không là thường là có, gọi đó là Nhân Ngã hay sao?

Như trong kinh nói tất cả pháp thế gian đều rốt ráo Không, cho đến pháp Niết-bàn chân như cũng rốt ráo Không. Bản tánh như thế, là tất cả tướng, phàm phu nghe nói không hiểu ý nghĩa liền chấp pháp Niết-bàn chân như chỉ rỗng không, chẳng có vật gì.

Đây là kiến chấp đoạn diệt không của ngoại đạo, chấp cảnh giới rỗng không, chẳng có vật gì là Niết-bàn chân như, nên diệt sắc quy về không, nên được định Tứ không rồi cho là mình đã chứng Niết-bàn chân như. Vì người này còn chấp ngã nên chẳng quy về cùng tột không, bèn vào dòng luân hồi sinh tử.

Vì trừ chấp kia, nói chân như Pháp thân tự thể chẳng không, vì đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Nếu biết chân không chẳng phải không, chẳng phải chỉ Không, thì còn không chấp nhận Tiểu thừa chứng không, huống chi là chấp bốn không để làm chỗ chứng đắc của mình ư!

Như kinh nói tạng Như Lai đầy đủ tất cả các tánh công đức không thêm không bớt, phàm phu nghe nói không hiểu ý nghĩa liền chấp Như Lai tạng có pháp sắc tâm tự tướng khác nhau.

Đây là thường kiến của ngoại đạo chấp Ngã là năng hữu, chấp năm uẩn sắc không là sở hữu của Ngã, không thể dứt trừ. Vì trừ chấp này nên nói chân như vốn không có pháp nhiệm khác nhau (tuy nương nghiệp thức... các tướng khác nhau), dựng lập có vô biên tướng công đức (mà đều đồng một vị, nhất chân, là tướng phân biệt) chẳng phải là tướng nhiệm.

Nếu biết chân như chẳng phải tướng nhiệm chẳng lẽ lại nắm giữ sắc tâm này cho là sở hữu của Ngã ư?

Như trong kinh nói tất cả các pháp tạp nhiệm của thế gian đều nương Như Lai tạng mà khởi, tất cả pháp chẳng khác chân như. Phàm phu nghe rồi không hiểu nghĩa nên cho là Như Lai tạng có đầy đủ tất cả pháp nhiệm thế gian.

Ở đây cũng là chấp thường của ngoại đạo, chấp tất cả pháp nhiệm tức Ngã, lại không thể diệt, cho đến Ma Vương lại muốn giữ trần lao sợ kia tiêu hết, cũng thuộc về kiến chấp này.

Vì trừ chấp này nên nói Như Lai tạng từ xưa đã có công đức thanh tịnh nhiều hơn số cát sông Hằng, chẳng khác chân như. Nếu có pháp nhiệm phiền não nhiều hơn số cát sông Hằng, chỉ là vọng có, vốn không

tự tánh. Từ vô thủy đến nay không hề tạm tương ứng với Như Lai tàng. Nếu Như Lai tàng tương ứng với pháp nhiệm mà khiến chứng hội, dứt vọng nhiễm, thì không có việc đó.

Pháp nhiệm nương vô minh mà có, ví như người lằm đường cho phương Đông là tây, đây là lời mê lằm, xưa nay không tương ứng với đúng hướng.

Như Lai tàng vốn không nhiễm thì chấp Nhân Ngã là pháp nhiệm không thể chứng hội Như Lai tàng, rõ ràng như thế.

Như trong kinh nói nương tạng Như Lai có sinh tử được Niết-bàn, phàm phu nghe nói không hiểu nghĩa nên cho rằng nương Như Lai tạng sinh tử có chỗ bắt đầu, vì chấp có bắt đầu. Lại cho rằng Niết-bàn có kết thúc.

Đoạn này riêng chấp Như Lai tàng là pháp thật ngoài tâm, như Minh Đế, Thắng Tánh, Hư Không, trời Đại Tự Tại v.v... nhưng vì có sinh tử nên được Niết-bàn, gọi đó là Nhân Ngã.

Vì trừ chấp này, nói Như Lai tàng không có mẹ ban đầu, vô minh nương đó nên sinh tử không có chỗ bắt đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sinh bắt đầu sinh khởi là lời trong kinh ngoài đạo, chẳng phải lời Phật dạy. Vì Như Lai tàng không có mẹ sau, chứng được điều này thì dứt hẳn hạt giống sinh tử. Như Lai tàng không trước không sau, sinh tử nương theo đó không có bắt đầu mà có kết thúc, Niết-bàn nương đó có bắt đầu mà không có kết thúc. Tàng tánh như phương hướng, sinh tử như mê, Niết-bàn như giác. Ngoài phương hướng không có mê giác thì biết Nhân Không; ngoài mê giác cũng không có phương hướng riêng nên biết Pháp không.

Lại nữa, Như Lai tàng tánh như là tánh ướt, sinh tử như băng, Niết-bàn như nước. Ngoài tánh ướt không có nước có băng, thì chỗ nào có người thọ sinh tử, chứng Niết-bàn? Ngoài nước và băng cũng không có tánh ướt, thì ở đâu khởi pháp sinh tử và thành Niết-bàn.

Phần đầu trừ chấp ngã đã xong.

C2. Nêu những Kiến chấp khác được phá trừ:

Nương chấp Nhân Ngã sinh ra bốn kiến chấp cho nên ở đây an lập bốn kiến chấp kia.

Bốn kiến chấp kia là biên kiến, tà kiến, giới thủ, kiến thủ. Vì không rõ nghĩa Như Lai tàng Vô ngã, chấp luống dối là có nhân ngã, về sau nương theo đó để chấp đoạn, chấp thường, gọi là biên kiến. Nương theo đó bác bỏ không có nhân quả thiện ác gọi là tà kiến. Nương khổ hạnh để cầu giải thoát gọi là giới thủ. Nương theo đó cầu sinh lên Phạm

thiên, Không xứ gọi là Kiến thủ, cho nên trừ chấp Nhân Ngã này rồi, bốn kiến chấp kia đều không thể tự an lập.

Phần đầu giảng chấp Nhân Ngã đã xong.

B2. Chấp Pháp ngã:

Chia làm hai:

C1. Lý do khởi chấp.

C2. Cách đối trị.

C1. Lý do khởi chấp:

Chấp Pháp Ngã nghĩa là vì người Nhị thừa độn căn, Thế tôn chỉ nói Nhân Vô Ngã, người kia lại đối với năm uẩn sinh diệt rất ráo chấp trước, sợ hãi sinh tử, vọng cầu Niết-bàn.

Phàm phu vọng chấp năm uẩn là Ngã, Ngã sở nên trôi lăn trong sinh tử, do thuở xưa họ đã từng gieo trồng gốc lành Nhị thừa, Phật tùy theo căn cơ vì họ nói năm uẩn sinh diệt, vốn không có Nhân Ngã, vốn chẳng hề nói năm uẩn là pháp thật.

Kia tự rất ráo chấp trước, không hiểu năm uẩn vốn không, vì thế sợ sinh tử vọng cầu Niết-bàn, trái với pháp môn Đại thừa bình đẳng, há là bản ý nói pháp của Như Lai ư!

C2. Cách đối trị:

Chia làm hai:

D1. Nói rõ.

D2. Giải thích thắc mắc.

D1. Nói rõ:

Vì giúp trừ chấp này, nói pháp năm uẩn bản tánh không sinh, vì không sinh cũng không diệt, vì không diệt nên xưa nay Niết-bàn. Nếu rất ráo lìa phân biệt chấp trước thì biết tất cả pháp nhiễm, pháp tịnh đều đối đãi lập bày. Cho nên phải biết tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí chẳng phải thức, chẳng phải có chẳng phải không, rất ráo đều là tướng không thể nói.

Năm uẩn bản tánh chẳng sinh, là ví như mắt có màng đỏ, vọng thấy ánh đèn năm màu chập chờn, mà thật không có sinh năm màu.

Vật có sinh thì về sau sẽ có diệt, vốn đã không sinh thì làm sao có thể diệt. Nên nói tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, không thể còn hoại diệt, nghĩa là tự tánh xưa nay thanh tịnh Niết-bàn, tức sinh diệt là thể chân như.

Nếu rất ráo lìa phân biệt chấp trước là hay quán tất cả vọng niệm không tướng, thì chứng đắc trí tuệ Như Lai, từ danh tự chứng đắc cho đến rất ráo chứng đắc.

Nên biết tất cả pháp nhiễm pháp tịnh đều đối đãi mà lập bày, Nhiễm là vọng niệm vô minh, Tịnh là chân như vô lậu, nương chân có vọng, nương vọng hiển chân, vì thế giác và bất giác đều thuộc môn sinh diệt. Đã đối đãi lập bày nên chẳng thật có, nên biết sinh diệt tức chẳng sinh diệt, vào môn chân như, từ danh tự giác cho đến cứu cánh giác.

Tất cả các pháp tức là pháp nhiễm pháp tịnh, pháp sắc pháp tâm, pháp trí pháp thức, pháp có pháp không. Tóm lại là một trăm pháp năm loại, một trăm cõi, một ngàn như, các thứ pháp. Từ xưa đến nay chẳng phải sắc chẳng phải tâm v.v... nghĩa là mỗi pháp xưa nay đều tức là chân như, chẳng phải đợi thành Phật mới đổi thành chân như.

Vả lại, vì sắc tức chân như, vốn tức chẳng phải sắc chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải không, chẳng phải có, rốt ráo không tướng để nói. Vì tâm tức chân như vốn tức chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí chẳng phải thức, chẳng phải không chẳng phải có, rốt ráo không có tướng để nói. Cho đến vì có tức chân như vốn tức chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải không, chẳng phải có, rốt ráo không có tướng để nói.

Tóm lại trong các pháp tịnh, pháp nhiễm hể nắm lấy một hạt bụi đều tức chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải không, chẳng phải có, rốt ráo không có tướng để nói. Chỉ là tất cả đều không phải, liền có thể tất cả đều tức, liền hiển bày chân như hà tức hà phi, là tức là phi.

D2. Giải thắc mắc:

Nhưng có lời nói chỉ dạy thì đều là phương tiện khéo léo của Như Lai, mượn lời nói hướng dẫn chúng sinh khiến bỏ văn tự về nơi chân thật. Nếu theo lời chấp nghĩa thì thêm vọng phân biệt, chẳng sinh thật trí, chẳng được Niết-bàn.

Nghi rằng, đã nói đều là tướng chẳng thể nói, vì sao lại nói các lời dạy về môn chân như và môn sinh diệt v.v... giải thích ý thì sẽ biết.

Than ôi! Đời sau theo lời chấp nghĩa, nghe nói chân như thọ huân liền chấp chân như chắc chắn thọ huân, nghe nói chân như chẳng thọ huân liền chấp chân như nhất định chẳng thọ huân; thậm chí còn chia sông để uống nước, có thể gọi đó là tăng thêm vọng phân biệt, không sinh thật trí. Thật là quá lắm! Nhưng há đó là tông chỉ của ngài Mã Minh và Hộ Pháp ư?

Mục hai đối trị tà chấp đã xong.

Mục 3. Phân biệt Tướng tu hành Chánh đạo:

Nếu biết sinh diệt tức là chân như, thì chúng sinh và Phật bình

đẳng, không có tu và chẳng tu, nếu biết toàn thể chân như sinh diệt thì mê ngộ cách xa một trời một vực, chính phải trong chỗ không tu, chẳng tu mà mạnh mẽ huân tu, huân tu này tức là không tu, chẳng phải lấy chẳng tu làm không tu.

Vì chẳng tu tức là trái với tu, chẳng giống thuận với tu là tu tức không tu. Người lợi căn nghe nghĩa mầu một tâm hai môn này tự sẽ không sinh lui sụt, không có tâm tăng thượng mạn, như người uống nước nóng lạnh tự biết, đâu cần diễn tả cho họ làm gì.

Nay vì người căn cơ bậc trung, bậc hạ chưa thể theo văn chứng nhập, thôi nghĩ tức Bồ-đề, cho nên vì họ lo lắng, dạy dỗ con đường tu hành chánh đạo từ nhân đến quả.

Chia làm hai:

A1. Nêu chung.

A2. Giải thích từng loại.

A1. Nêu chung:

Phân biệt tướng tu hành chánh đạo nghĩa là tất cả chánh nhân đắc đạo của Như Lai, tất cả Bồ-tát phát tâm tu tập vì muốn hiện tiền. Nên nói tóm lược phát tâm có ba tướng:

- Tín thành tựu phát tâm.

- Giải hạnh phát tâm.

- Chứng phát tâm.

- Chánh nhân khiến tất cả Như Lai đắc đạo tức là con đường mầu nhiệm trang nghiêm, các Đức Như Lai trong mười phương đều từ một môn này siêu xuất ra. Nhân chánh thì quả chánh, nên phát tâm tu học, khiến kia hiện tiền. Chỉ nói tóm lược ba nhân tướng phát tâm, không cần biện rõ quả tướng, vì quả tướng Như Lai đã nói lược trong đoạn nói về thể, tướng, dụng của Đại thừa ở trước.

A2. Giải thích từng loại:

Chia làm ba:

B1. Giải thích Tín thành tựu phát tâm.

B2. Giải thích Giải hạnh phát tâm.

B3. Giải thích Chứng phát tâm.

B1. Giải thích Tín thành tựu phát tâm:

Chia làm hai:

C1. Nêu dẫn

C2. Giải thích

C1. Nêu dẫn:

Tín thành tựu phát tâm là nương vị nào? Tu hạnh gì mà được Tín

thành tựu có khả năng phát tâm.

C2. Giải thích:

Chia làm hai:

D1. Giải thích Tín thành tựu.

D2. Giải thích phát tâm.

D1. Giải thích Tín thành tựu:

Chia làm hai:

E1. Giải thích thành tựu

E2. Giải thích cả chưa thành

E1. Giải thích thành tựu:

Nên biết người này nương vào nhóm Bất định, do năng lực pháp huân tập gốc lành, tin sâu nghiệp quả, tu mười nghiệp lành, chán khổ sinh tử cầu Vô thượng giác, gặp chư Phật và các Bồ-tát để kính thờ cúng dường, tu các hạnh trải qua mười ngàn kiếp lòng tin mới thành tựu. Từ đây về sau, hoặc nhờ năng lực dạy dỗ của chư Phật, Bồ-tát, hoặc do đại bi, hoặc vì chánh pháp sắp hoại diệt, vì hộ pháp mà có thể phát tâm. Đã phát tâm rồi, nhập vào nhóm chánh định rất ráo không lui sụt, trụ vững tánh Phật tương ứng với nhân cao quý.

Nương nhóm Bất định là nói về chỗ nương thuộc địa vị nào. Tin sâu nghiệp quả cho đến tu hành các hạnh là nói chỗ tu hành kia. Trải mười ngàn kiếp v.v... trở xuống đoạn sau, nói kia được Tín thành tựu có khả năng phát tâm. Đã phát tâm rồi v.v... trở xuống, đoạn sau là nói lợi ích phát tâm. Nhóm Bất định nghĩa là nói chung về chúng sinh có ba chủng loại:

Nhóm Tà định nghĩa là chưa trồng gốc lành xuất thế gian, không tin chánh pháp xuất thế gian.

Nhóm Chánh định nghĩa là từ Phát tâm trở lên, không bao giờ lui sụt.

Nhóm Bất định là đã trồng gốc lành xuất thế gian, tin pháp xuất thế gian, nhưng đối với pháp ba thừa chưa quyết định hướng.

Nếu đối với giáo lý Tiểu thừa, chứng Tu-đà-hoàn gọi là Nhập vào nhóm Chánh Định, nay trong giáo lý Đại thừa thì không dùng nghĩa này.

Do năng lực huân tập gốc lành nghĩa là:

Thể huân, gồm hai thứ nội nhân là Bản hữu và tân huân.

Dụng huân, gồm hai thứ duyên bên ngoài là sai biệt và bình đẳng.

Tin sâu nghiệp quả là nói chung về chỗ nương của gốc lành. Tu

mười nghiệp lành là năng lực gốc lành thế gian. Chấn khổ sinh tử là năng lực gốc lành xuất thế gian. Cầu Vô thượng giác là năng lực gốc lành xuất thế gian tối thượng. Ba gốc lành này, gốc lành trước không đầy đủ gốc lành sau, nhưng gốc lành sau thì đầy đủ gốc lành trước; phải có đủ ba gốc lành mới được Tín thành tựu. Nhờ ba gốc lành làm nhân cao siêu, lại gặp chư Phật Bồ-tát làm duyên cao quý, kính thờ cúng dường, tu hành các hạnh, nhân duyên đầy đủ mới là chỗ tu hành tâm ban đầu của Đại thừa. Trải qua mười ngàn kiếp là ý muốn nói tu thành tựu đầy đủ mười tâm là: 1. Tín tâm. 2. Niệm tâm. 3. Tinh Tấn tâm, 4. Tuệ tâm. 5. Định tâm. 6. Tâm Bất Thoái. 7. Tâm Hộ pháp. 8. Tâm Hồi Hướng. 9. Tâm Giới. 10. Tâm Nguyện, nên nói là mười ngàn kiếp. Gom tất cả các hạnh tu từ trước dùng làm nhân, lại nhờ năng lực giáo hóa của chư Phật, Bồ-tát làm duyên, lại nhờ lòng đại bi thương xót chúng sinh đau khổ làm duyên, hoặc vì giữ gìn chánh pháp trụ thế lâu dài làm duyên, ba tâm mới phát triển viên mãn.

Nhập nhóm Chánh Định là tương ưng lý Pháp thân, rất ráo không lui sụt là không rơi vào địa vị phàm phu Nhị thừa. Trụ chủng tánh Phật là khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, tương ưng với nhân cao quý nghĩa là không sinh không diệt là nhân tu căn bản. Tức là chánh nhân đắc đạo của tất cả Như Lai.

E2. Giải thích cả chưa thành:

Hoặc có chúng sinh từ lâu xa đến nay vì gốc lành cạn mỏng, phiền não sâu dày che đậy tâm kia, nên tuy gặp chư Phật và các Bồ-tát, kính thờ cúng dường, chỉ gieo trồng hạt giống thọ sinh cõi người, cõi trời, hoặc gieo trồng hạt giống Bồ-đề của Nhị thừa. Hoặc có mong cầu đại đạo Bồ-đề, nhưng căn cơ bất định hoặc tiến hoặc lùi.

Ở đây nói về người gốc lành cạn mỏng, phiền não sâu dày, tuy gặp duyên tốt nhưng chẳng thể phát tâm Đại thừa. Gốc lành tự có Ba thừa, Nhất thừa không giống nhau, phiền não lại có nội giới, ngoại giới khác nhau, mỗi gốc lành đối với mỗi phiền não kia, tạo thành phân biệt bốn trường hợp. Hoặc gốc lành nhiều, phiền não mỏng. Hoặc gốc lành nhiều, phiền não dày. Hoặc gốc lành ít, phiền não mỏng. Hoặc gốc lành ít, phiền não dày, ngàn sai muôn khác, không đồng dạng như nhau, đều thuộc về nhóm Bất định.

Hoặc có gặp Phật và các Bồ-tát cúng dường kính thờ, tu hành các hạnh chưa đủ mười ngàn đại kiếp, trong thời gian đó gặp duyên nên phát tâm kia. Gặp những duyên gì? Đó là hoặc thấy hình tướng Phật, hoặc cúng dường chúng tăng, hoặc giáo lý Nhị thừa, hoặc thấy người

khác phát tâm, những cách phát tâm như thế đều chưa nhất định vì nếu gặp duyên ác có thể lui sụt xuống địa vị Nhị thừa.

Gặp Phật, Bồ-tát tu hành các hạnh có thể gọi là có nhân có duyên, đặc biệt vì chưa đủ mười ngàn đại kiếp, mười tâm chưa tròn nên tuy gặp duyên phát tâm mà chưa thể liền nhập nhóm chánh định. Dù cho đủ mười ngàn kiếp thì các duyên thấy Phật cúng tăng v.v... đều có thể phát tâm nhập nhóm chánh định. Chớ nói duyên này chẳng phải duyên tốt, chỉ do nhân nhóm hợp sức còn yếu, nên không đồng với hai thứ phát tâm đại bi và phát tâm hộ pháp, nên gặp duyên tốt thì sẽ phát tâm, gặp duyên xấu thì sẽ lui sụt xuống địa vị Nhị thừa.

Phần giải thích Tín thành tựu đã xong.

D2. Giải thích phát Tâm:

Chia làm ba:

- E1. Giải thích chỗ phát tâm.
- E2. Giải thích hạnh phát tâm.
- E3. Giải thích lợi ích phát tâm.

E1. Giải thích chỗ phát Tâm:

Chia làm hai:

- G1. Giải thích.
- G2. Giải nghi.

G1. Giải thích:

Lại nữa, Tín Thành Tựu Phát Tâm, nói gọn có ba loại:

- Phát tâm Chánh Trực, vì như lý chánh niệm pháp chân như.
- Phát tâm Thâm Trọng, vì ưa nhóm hợp tất cả các hạnh lành.
- Phát tâm Đại bi, vì nguyện cứu khổ cho tất cả chúng sinh.

Chân như là gốc của tất cả hạnh, chẳng niệm chân như mà nhóm các hạnh lành, hạnh lành thì không do đâu mà nhóm hợp được. Dù có các thứ hạnh lành, đều thành hữu lậu, hữu vi. Không niệm chân như mà cứu các khổ, khổ không do đâu mà cứu được. Dù khiến duyên niệm chúng sinh, chỉ đủ khởi ái khởi kiến, nên đầu tiên phải phát tâm Chánh trực.

Chân như vốn có vô biên công đức, lý phải hiển phát nên thuận theo chân như phát tâm Thâm Trọng. Chân như tức là tâm tánh của chúng sinh, thương xót đã mê điều này, nên thuận theo chân như mà phát tâm Đại Bi.

Tâm Chánh Trực tức là phát tâm lý chánh nhân, thành tựu đức Pháp thân, tâm Thâm Trọng nghĩa là phát tâm tuệ liễu nhân thành tựu đức Bát-nhã, tâm Đại Bi tức là phát tâm lành duyên nhân, thành tựu đức

giải thoát. Phát ba tâm viên mãn, chẳng ngang dọc, chẳng riêng khắp, không thể nghĩa bàn, nên nói khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, có tuệ thân không từ người khác ngộ, Pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu lặng lẽ cảm ứng tất cả.

G2. Giải nghi:

Hỏi: Tất cả chúng sinh, tất cả các pháp đều đồng một pháp giới, không có hai tướng. Y cứ theo lý chỉ cần chánh niệm chân như đầu cần nhờ tu tất cả hạnh lành, cứu tất cả chúng sinh?

Đáp: Không đúng. Như châu Ma-ni bản tánh trong sáng, ở trong quặng dơ, giả sử có người siêng năng nhớ nghĩ mà không làm phương tiện, không ra sức, lại muốn cầu hạt châu trong sáng thì chắc chắn không thể được.

Pháp chân như cũng giống như thế. Thể tuy trong sáng, đầy đủ công đức mà bị vô biên khách trần làm ô nhiễm. Dù cho có người siêng năng nhớ nghĩ mà không tạo phương tiện, không tu các hạnh mà muốn cầu thanh tịnh thì thật không hợp lý. Cho nên phải chứa nhóm tất cả hạnh lành, cứu tất cả chúng sinh, lìa vô biên khách trần cấu nhiễm kia, hiển hiện chân pháp. Trước nêu dẫn ví dụ, sau hợp pháp. Văn đều rất dễ hiểu!

Phần đầu giải thích chỗ phát tâm đã xong.

E2. Giải thích Hạnh phát tâm:

Hạnh phương tiện kia nói gọn có bốn thứ:

Hạnh căn bản phương tiện: Là quán tất cả pháp bản tánh vô sinh, lìa ra lìa vọng kiến, không trụ sinh tử. Lại quán tất cả pháp nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất, khởi tâm đại bi, tu các hạnh lành, nhiếp hóa chúng sinh, không trụ Niết-bàn, vì chân như lìa tướng sinh tử, Niết-bàn.

Hạnh này thuận theo chân như là căn bản, nên gọi là hạnh phương tiện căn bản.

Đây là lấy sự phát tâm chánh trực làm hạnh phương tiện. Không trụ sinh tử là quán Xa-ma-tha, không trụ Niết-bàn là quán Tỳ-bát-xá-na. Tu chỉ quán trong tâm mới thuận theo pháp tánh chân như nên gọi là hạnh phương tiện căn bản.

Năng chỉ tức phương tiện: Nghĩa là hổ thẹn và hối lỗi, có thể chấm dứt tất cả pháp ác không để tăng trưởng. Vì chân như vốn lìa tất cả lỗi lầm, thuận theo chân như chấm dứt các điều ác. Đây gọi là phương tiện để chấm dứt.

Tăng trưởng gốc lành phương tiện, nghĩa là đối với Tam Bảo khởi

tâm kính mến, tôn trọng, cúng dường, đánh lễ khen ngợi, tùy hỷ khuyến thỉnh; chánh tín tăng trưởng cho đến chí cầu Bồ-đề vô thượng là chỗ hộ niệm của oai lực Tam bảo. Nghiệp chướng thanh tịnh, gốc lành không lui sụt vì chân như vốn là tất cả chướng, đủ tất cả công đức. Thuận theo chân như tu hành nghiệp lành, đây gọi là phương tiện làm cho gốc lành thêm lớn.

Hai phương tiện này là do phát tâm Thâm trọng làm hạnh phương tiện. Muốn lớn gốc lành trước phải dứt ác, cho nên đối với một tâm Thâm Trọng chia thành hai phương tiện này, vì đều là thuận theo tánh chân như, xem văn đều sẽ biết.

Đại nguyện bình đẳng phương tiện nghĩa là phát thệ nguyện tốt đời vị lai bình đẳng cứu hộ tất cả chúng sinh khiến họ an trụ trong Niết-bàn vô dư. Vì biết tất cả pháp bản tánh không hai, kia đây bình đẳng, rốt ráo vắng lặng. Thuận theo ba tướng chân như này phát thệ nguyện rộng lớn. Đây gọi là phương tiện đại nguyện bình đẳng.

Đây là dùng phát tâm Đại Bi làm hạnh phương tiện.

Niết-bàn vô dư nghĩa là, theo Tiểu thừa là thân tan trí hết, ở đây là dứt hẳn hai thứ tử phần đoạn và tử biến dịch.

Biết tất cả pháp bản tánh không hai, thì đối với chúng sinh không khởi tướng là bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ. Biết tất cả pháp kia đây bình đẳng thì đối với chúng sinh không khởi các tướng oán hoặc thân v.v... Biết tất cả pháp rốt ráo vắng lặng thì đối với chúng sinh không khởi tướng dùng Tiểu thừa để giáo hóa, vì cũng đều thuận theo tánh chân như.

Bốn phương tiện này đều là xứng tánh khởi tu, toàn tu hiển tánh. Khi chưa phát tâm thì do phương tiện này mà được phát tâm, khi phát tâm rồi do phương tiện này mà dẫn đến quả vị cùng tột, nên gọi là chánh nhân đặc đạo của tất cả Như Lai.

Phần E2 giải thích hạnh phát tâm đã xong.

E3. Giải thích lợi ích phát tâm:

Chia làm ba:

G1. Nói công năng theo chân Thật

G2. phân biệt lỗi lầm theo Quyền

G3. Dùng Thật phá Quyền

G1. Nói công năng theo chân thật:

Khi Bồ-tát phát tâm như thế thì thấy được một phần Pháp thân Phật, có thể tùy khả năng phát nguyện mà hiện tám việc, đó là:

Từ cõi trời Đâu-suất giáng sinh.

Nhập thai.
 Trụ thai.
 Xuất thai.
 Xuất gia.
 Thành Phật.
 Xoay bánh xe pháp luân.
 Nhập Niết-bàn.

Đây tức là nghĩa khi mới phát tâm liền thành Chánh giác trong kinh Hoa Nghiêm. Phá từng phần vô minh, chứng từng phần chân như nên nói thấy một phần Pháp thân Phật. Đã thấy Pháp thân thì có khả năng hiện tám tướng thành đạo, nghĩa là Pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu, lạng lẽ ứng hợp tất cả. Tám tướng khai hợp ẩn hiện khác nhau, đều là chỗ thấy tùy căn cơ, chẳng nên theo đây mà chia ra Quyền Thật của Phật vì chỗ chứng Pháp thân chẳng có quyền thật, có số lượng để nghĩ bàn.

G2. Phân biệt lỗi lầm theo Quyền:

Nhưng vẫn chưa được gọi là Pháp thân vì từ vô lượng đời quá khứ đến nay, có nghiệp hữu lậu chưa dứt trừ hoặc do nghiệp ác mà chịu các khổ nhỏ, vì nguyện lực giữ gìn nên không bị trôi buộc lâu.

Đây là y theo Tiệm giáo để nói Sơ Phát Tâm Trụ chỉ dứt kiến hoặc nội giới, ngang với Sơ Quả Tiểu Thừa, vì thế vẫn còn khổ nhỏ. Nhưng Sơ quả lại vì biến sinh tử mà lập giới hạn, chậm nhất không quá bảy lần sinh tử sẽ thoát hẳn biển khổ, Huống chi là Bồ-tát Phát tâm có nguyện lực Bồ-đề giữ gìn, chẳng lẽ bị nghiệp trôi buộc lâu hơn hay sao?!

Hỏi: Hai chữ “nhưng vẫn” trong nguyên văn tức chỉ người có tám tướng thành đạo, tại sao chỉ dùng Tiệm giáo giải thích?

Đáp: Phát tâm, tên gọi giống nhau mà quyền thật lại khác nhau xa.

Trước nói tám tướng thành đạo là chỉ cho người nhập nhóm chánh định, nay nói khổ nhỏ ý nói hoặc có khi lui sụt vào quả vị Nhị thừa, lý do là như thế.

Trong kinh có nói Bồ-tát Tín Thành Tựu Phát tâm hoặc có vị đọa vào đường ác, nghĩa là vì tâm sơ học thường biếng nhác, không vào chánh vị, do đó mới nói như thế khiến tăng thêm mạnh mẽ, chứ chẳng phải nói như thật.

Ở đây nói tuy Sơ Phát Tâm Trụ trong Tiệm giáo, đã dứt Kiến, hoặc ngang với Sơ quả, cũng không có việc lui sụt, rơi vào đường ác, bất quá chỉ là tạm nói để sách tấn người mới học; hoặc lại lui sụt về quả

vị Nhị thừa, ắt cũng có lý do như thế.

Hỏi: Có kinh nói thuở trước Xá-lợi-phất đã chứng Lục trụ tâm, do nhân duyên bà-la-môn xin mắt, mà lui sụt đại tâm, nên vẫn phải trôi lãng trong năm đường, việc này phải hiểu thế nào?

Đáp: Lại có kinh nói, các đại đệ tử như Xá-lợi-phất v.v... đều là Pháp thân Đại Sĩ quả vị rất cao, thị hiện làm Thanh Văn để dẫn dắt giáo hóa, thì việc thị hiện thoái đạo chính là để sách tấn người mới học, đâu nên nghi ngờ!

Phần G2 Phân biệt lỗi lầm theo quyền đã xong.

G3. Dùng thật phá Quyền:

Lại nữa, Bồ-tát này sau một lần phát tâm lợi mình lợi người, tu các khổ hạnh, tâm không yếu hèn, còn không sợ rơi vào quả vị Nhị thừa, huống chi là đạo đường ác. Nếu nghe vô lượng a-tăng-kỳ kiếp siêng tu các thứ hạnh khổ khó làm mới được thành Phật, mà không kinh không sợ, huống chi lại khởi tâm Nhị thừa và rơi vào đường ác, vì tin chắc chắn tất cả các pháp từ xưa đến nay bản tánh là Niết-bàn.

Ở đây nói người mới Phát tâm của Đốn giáo, thì đã trụ vào nhóm chánh định, rốt ráo không lui sụt. Vì không phải chỉ mới phát tâm có năng lực cao siêu này mà chỉ cần có lòng tin chân thật chắc chắn, biết tất cả pháp bản tánh Niết-bàn, cũng không giống người mới phát tâm của quyền giáo, hoặc lui sụt vào Nhị thừa.

Phần B1 giải thích Tín Thành Tựu Phát Tâm đã xong.

B2. Giải thích Hạnh phát tâm:

Nghĩa là nếu nói về xứng tánh viên tu thì Tức Tín, Tức Giải, Tức Hạnh, Tức Chứng, nên nói: Trong chữ A đầu tiên đầy đủ công đức của tất cả các chữ. Dù chia bốn mươi hai quả vị, ví như xuống biển mà nói cạn sâu, cạn sâu đều là biển, chẳng lẽ không có Giải, Hạnh, Chứng mà có thể gọi là Tín ư! Há lại có thể cho là Giải, Hạnh và Chứng phải ở sau Tín ư?

Đặc biệt vì quả vị thật khó lường, nương Quyền để hiểu nên giải thích Giải, Hạnh sau Tín (phát tâm).

Chia làm hai

C1. Nói về quả vị.

C2. Nói về hành trì.

C1. Nói về quả vị:

Giải Hạnh Phát Tâm nghĩa là, nên biết là biến chuyển cao siêu hơn. Vì vô số kiếp đầu tiên đã viên mãn, vì hiểu chân như sâu sắc, vì tu tất cả hạnh đều không dính mắc.

Nói theo Viên dung, thì chỉ lấy bốn hạnh phương tiện trong Tín Thành Tựu làm sáu độ. Nghĩa là trong đây thuận theo pháp tánh, tức Hạnh Phương Tiện Căn Bản, lìa tướng san tham, lìa cảnh năm dục, v.v... tức Phương Tiện Năng Chỉ, tức tu hành bố thí, trì giới, v.v... tức Phương Tiện Sinh Trưởng gốc lành sáu độ ba-la-mật vì độ thoát chúng sinh tức Phương Tiện Đại Nguyện Bình Đẳng. Nay một phen về thứ lớp nên nói biến chuyển cao siêu hơn.

Vô số kiếp đầu tiên sắp viên mãn nghĩa là vị Tư Lương đã thành tựu, sắp vào quả vị Gia hạnh.

Hiểu chân như được sâu sắc nghĩa là tu hai quán làm phương tiện đạo để vào quán Trung đạo đệ nhất nghĩa.

Tu tất cả hạnh đều không dính mắc, nghĩa là hồi sự hưởng lý, cho đến hồi nhân hưởng quả, không dính mắc ba cõi, không dính mắc Nhị thừa.

C2. Nói về hành trì:

Bồ-tát này biết pháp tánh lìa tướng san tham là bố thí độ thanh tịnh, thuận theo tu hành Đàn-ba-la-mật. Biết pháp tánh lìa cảnh năm dục, không có tướng phá giới, đó là Giới độ thanh tịnh, tùy thuận tu hành Thi-ba-la-mật. Biết pháp tánh không có khổ não, lìa tướng sân hại là Nhẫn độ thanh tịnh; thuận theo tu hành Sằn-đề-ba-la-mật. Biết pháp tánh lìa tướng thân tâm, không có biếng nhác là Tinh tấn độ thanh tịnh, thuận theo tu hành Tỳ-lê-da-ba-la-mật, biết pháp tánh không động không loạn là Thiền độ thanh tịnh, thuận theo tu hành Thiền-na ba-la-mật. Biết pháp tánh lìa các si ám là Tuệ độ thanh tịnh, thuận theo tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Biết pháp tánh lìa san tham v.v... là Giải (Giải).

Thuận theo tu hành đàn-na v.v... là Hành (Hạnh)

Đàn-na là tiếng Ấn-độ, Hán dịch là Bố thí, Thi-la dịch là giới, Sằn-đề dịch là Nhẫn nhục, Tỳ-lê-da dịch là Tinh tấn, Thiền-na dịch là Tịnh lự cũng dịch là Tu tư duy, Bát-nhã dịch là Tuệ, cũng dịch là Trí. Tu tướng sáu độ, phẩm Thập Hồi Hưởng trong kinh Hoa Nghiêm có nói đầy đủ, hoặc là phần chân giải hạnh, hoặc là tương tự giải hạnh. Phần chân thì chỉ theo thật, tương tự thì gồm cả hai Thật và Quyền, nên lấy hai nghĩa viên dung và hành bố để suy tư.

Phần B2 giải thích Giải Hạnh Phát Tâm đã xong.

B3. Giải thích chứng phát tâm:

Chia làm hai:

C1. Nói về chứng từng phần.

C2. Nói về chứng trọn vẹn.

C1. Nói về chứng từng phần:

Chia làm hai:

D1. Nói về sở chứng.

D2. Nói về tâm tướng.

D1. Nói về Sở chứng:

Chia làm hai:

E1. Nói về chứng thể.

E2. Nói về khởi dụng.

E1. Nói về chứng Thể:

Chứng Phát tâm nghĩa là từ địa vị Tịnh Tâm cho đến Bồ-tát địa vị Cứu Cánh, chứng cảnh giới nào? Chính là Chân như. Vì y cứ Chuyển thức nói là cảnh giới, mà trong thật chứng không có tướng cảnh giới. Bồ-tát này vì trí không có phân biệt, chứng Pháp thân Chân như là nói năng.

Địa vị Tịnh tâm nghĩa là theo Quyền, là Sơ Hoan Hỷ địa, còn theo Thật là Sơ Phát Tâm Trụ.

Địa vị rốt ráo tức Thập địa hậu tâm, cũng gọi là địa vị Đẳng giác.

Vì y cứ chuyển thức nói là cảnh giới nghĩa là chuyển thức thứ sáu thành trí Diệu quan sát, chuyển thức thứ bảy thành trí Bình đẳng tánh. Chúng sinh có thức thứ sáu thức thứ bảy ắt có cảnh giới sở duyên, vì thế y cứ chuyển thức tạm nói sở thuyết là cảnh giới. Mà trong thật chứng không có tướng cảnh giới, nghĩa là vì Chân như không có tướng để nắm giữ. Vì chánh trí không chấp tướng, mang một chút thể tướng chân như làm duyên sở duyên, chẳng phải mang hết tướng trạng chân như làm duyên sở duyên.

Bồ-tát này vì trí không có phân biệt nghĩa là muốn nói kia có kiến phần.

Chứng Pháp thân chân như là nói năng nghĩa là muốn nói kia không có tướng phần. Chính là không khác với Duy Thức của Hộ Pháp. Hãy suy nghĩ kỹ điều này.

Hỏi: Nếu nói theo Thật thì Sơ Phát Tâm Trụ tức là Tịnh Tâm địa, nghĩa là trong phần phát tâm ở trước chỉ nói là thấy một phần Pháp thân Phật, nay nói chứng Pháp thân chân như là nói năng, ý chỉ câu văn khác nhau rất nhiều, làm sao hiểu được?

Đáp: Trước là nói chung cả Quyền và Thật, nên chỉ nói thấy một phần Pháp thân, nay thì vì Quyền chứng đồng như Thật. Lại nữa, nếu

theo chỗ chứng chân như thì không có phần hạn, nếu theo trí năng chứng mới có từng phần và viên mãn khác nhau. Tuy có từng phần và viên mãn nhưng đều thuộc về trí vô phân biệt, như trăng đêm mờ một và đêm rằm ánh sáng chẳng khác.

E2. Khởi dụng:

Có thể trong một niệm đi khắp tất cả thế giới trong mười phương, cúng dường chư Phật, thỉnh xoay chuyển bánh xe pháp, chỉ vì chúng sinh mà làm lợi ích, không cầu nghe những lời hay đẹp. Hoặc vì chúng sinh yếu hèn thị hiện đại tinh tấn, vượt qua vô lượng kiếp mau thành chánh giác. Hoặc vì chúng sinh biến nhạc trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu khổ hạnh đã lâu mới thành Phật. Thị hiện vô số phương tiện như thế đều vì lợi ích tất cả chúng sinh, mà thật ra các căn phát tâm và tu chứng của các Bồ-tát chủng tánh đều giống nhau, không có pháp nào vượt hơn, vì chắc chắn đều phải trải qua ba vô số kiếp mới thành Phật, chỉ tùy theo thế giới và chúng sinh khác nhau mà chỗ thấy, chỗ nghe căn cơ, ước muốn đều có tánh khác nhau.

Chỉ bày chỗ tu hành có các thứ khác nhau. Chưa chứng Pháp thân trở xuống dù muốn dưới giáo hóa chúng sinh cũng đều là trên cầu thành Phật, vì các thứ phương tiện tự lợi lợi tha đều vì chứng hội thể chân như. Đã chứng Pháp thân về sau, dù muốn trên cầu thành Phật cũng đều là dưới giáo hóa chúng sinh, như đoạn văn này đã có nói.

Chủng tánh giống nhau vì sẵn có đủ hai hạt giống văn huân. Các căn giống nhau nghĩa là sáu cơ quan tốt đẹp không khác nhau. Phát tâm giống nhau là đồng phát ba tâm. Chứng ngộ giống nhau nghĩa là đồng chứng chân như.

Lúc trước khi chưa phát tâm thì gốc lành có sâu cạn, phiền não có dày mỏng, các căn có mau chậm, phương tiện có siêng lười khác nhau. Đã phát tâm rồi thì đồng nhập sinh tánh, Vô công dụng đạo, chắc chắn không có khác nhau, chỉ do chúng sinh có căn cơ, ước muốn khác nhau, nên thị hiện có sai biệt.

Ba vô số kiếp là pháp thời gian không có thật, chỉ nương vọng tưởng kiến lập, như câu chuyện Giác Mộng Hoàng Lương của thế gian lại hơn bốn mươi năm. Ngàn năm cõi thế gian không bằng bảy ngày trong núi, lại như trong kinh nói vị tiên cầm tay Thiện Tài trải qua thời gian lâu với số kiếp như cát bụi, khen Phật năm mươi tiểu kiếp đại chúng cho là như nửa ngày, thì biết chẳng giống như thời gian ngày tháng năm mà người đời quy định để nói về kiếp số.

Vì từ vô thủy, vô minh tuy không có thật thể mà bỏ mê về ngộ

duờng như có thứ bậc khác nhau. Dù khiến Diễn-nhã hết cuờng điên, đầu vẫn như xưa, mà hơi thở hỗn hển phải lâu mới bình thường. Gió mạnh chóng dừng biển lớn lạng sóng to, mà sóng nhỏ lạng tăng phải lâu mới yên. Mặt trời xuất hiện sương mù chóng tan, mà sự ẩm ướt phải dần dần mới hết. Một phen uống thuốc A-già thì muôn bệnh chóng tiêu trừ mà tinh lực cũng phải dần dần hồi phục. Khách lâu về nhà, hành trình liền chấm dứt mà công việc trong nhà cũng phải lần lượt sắp đặt. Vua Thánh lên ngôi nghiệp lớn chóng ổn định mà chánh trị lễ nhạc cũng phải thứ lớp hiển bày. Cho nên đối với chân như không có thời gian và kiếp số, nương môn sinh diệt mà lập ba số kiếp, đó là:

- Từ Sơ Phát tâm trụ cho đến Thập Hồi Hương, gọi là vô số kiếp đầu.

- Từ Sơ Hoan Hỷ Địa cho đến Viễn Hành địa thứ bảy gọi là vô số kiếp thứ hai.

- Từ Bất Động địa thứ tám cho đến địa vị Đẳng Giác gọi là vô số kiếp thứ ba.

Cho đến so sánh kiếp số thì phải theo sự kính thờ Phật để xác định phần hạn, hoặc theo ví dụ phất y trời mỏng nhẹ vào tảng đá để nói về thời gian lâu xa, chẳng phải một thứ.

Lại nữa, theo ba vô số kiếp để nói về hành tướng, nghĩa là hoặc nói là điều phục mê lầm chưa đoạn dứt, hoặc nói là đoạn chánh giúp tập, hoặc nói là thứ lớp dứt hoặc, hoặc nói là Nhân gồm biển quả đều là Tất-đàn, tùy căn cơ mà được lợi ích, đâu nên cố chấp. Nay nói đều giống nhau là theo nhân gồm biển quả để nói về ba kỳ kiếp, đó là ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm sẽ vượt qua tà kiến đại mạn. Gần biết mười đời xưa nay, trước sau không lia niệm hiện tại, nên đoạn trước nói, nếu nghe vô lượng A-tăng-kỳ kiếp siêng tu các hạnh khổ khó làm mới bắt đầu thành Phật mà không kinh không sợ vì tin chắc chắn tất cả các pháp từ xưa đến nay tánh thường Niết-bàn, đâu chấp ba A-tăng-kỳ là chậm, một niệm là mau ư?!

Căn dục tánh khác nhau, nghĩa là căn cơ nhạy bén hoặc chậm lụt là do nhân quá khứ mà thành tựu, chỗ ưa thích hiện tại gọi là Dục, hoặc thích nhanh, hoặc thích chậm. Hạt giống vị lai gọi là Tánh, hoặc đã thành thực, hoặc chưa thành thực.

Phần đầu nói về Sở Chứng đã xong.

D2. Nói về Tâm tướng:

Trong phần chứng Phát tâm này, có ba thứ tâm:

- Chân tâm, vì không có phân biệt

- Tâm phương tiện, vì nhậm vận làm lợi ích cho người.
- Tâm nghiệp thức vì sinh diệt nhỏ nhiệm.

Tâm chân là trí căn bản thức thứ sáu và thứ bảy tương ứng không có phân biệt là niệm niệm chứng chân. Tâm phương tiện là trí Hậu đắc thức thứ sáu và thứ bảy tương ứng. Nhậm vận lợi ích cho người là niệm niệm khởi dụng, khiến năm thức trước đều thành dụng giáo hóa. Tâm nghiệp thức là thức Dị thực thứ tám. Canh diệt nhỏ nhiệm là vì hạt giống vô minh vẫn chưa hết, dùng trí nội huân làm cho kia diệt dần dần. Hạt giống trí tuệ khởi từng phần, hạt giống mê lầm diệt từng phần, chính là tướng sinh tử biến dịch không thể nghĩ bàn.

Trong đây, Tâm chân tức là tâm Chánh trực ở đoạn trước, tâm Phương Tiện tức hai tâm Thâm Trọng và tâm Đại Bi ở đoạn trước, tâm Nghiệp Thức là chỗ nương căn bản của ba tâm trước.

Ở trước nói Tín Thành Tựu Phát Tâm chỉ theo Năng phát, nên ba tâm đều là công năng của trí Diệu quan sát. Nay nói tâm tướng có trong Chứng Phát tâm, ý nghĩa gồm cả năng và sở, nên có khai có hợp với đoạn trước, có nói rõ nói lược khác nhau.

Phần C1 nói về Chứng Từng Phần đã xong.

C2. Chứng trọn vẹn:

Chia làm hai:

D1. Nương quyền chỉ tướng

D2. Nương thật giải nghi **DI**.

Nương Quyền chỉ tướng:

Lại nữa, Bồ-tát này hai thứ phước đức và trí tuệ đã trang nghiêm viên mãn rồi, đối với sắc rốt ráo được thân rất tốt đẹp được tất cả thế gian tôn trọng bậc nhất, dùng một niệm tương ứng tuệ chóng nhỏ sạch gốc vô minh, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, tùy ý tạo nghiệp không thể nghĩ bàn, giáo hóa khắp chúng sinh trong vô lượng thế giới ở mười phương.

Chỗ nương của phước đức, trí tuệ là thể chân như, hai thứ trang nghiêm viên mãn tức Tướng chân như. Thể tướng hiển bày viên mãn, đại dụng hiện tiền nên có khả năng thị hiện thành chánh giác.

Lại nữa, trí tuệ chứng được là Thể chân như, thể khắp pháp giới; trí tuệ viên mãn là Tướng chân như, Tướng khắp pháp giới; phước đức viên mãn là Dụng chân như, Dụng khắp pháp giới. Thể khắp pháp giới thì Pháp thân trùm khắp pháp giới, Tướng khắp pháp giới thì báo thân trùm khắp pháp giới, Dụng khắp pháp giới thì Hóa thân trùm khắp pháp giới. Nên nói khi một người thành Phật thì pháp giới đều là chánh báo

và y báo của một Đức Phật. Tuy không chướng ngại cũng vẫn không lẫn lộn, vì tánh chân như thường giống thường khác không thể nghĩa bàn, cho nên khi vô minh hết hẳn, thành hạt giống trí tuệ chẳng ở đâu không có, cũng không ở đâu cả.

Nay nói đối với sắc rốt ráo được thân rất tốt đẹp là thế nào? Vì thân Tự thọ dụng của chư Phật thâm đồng với pháp tánh, bậc Đẳng Giác trở xuống chẳng thể thấy, Bồ-tát địa vị Tịnh Tâm trở lên nương bản chất thân Tự thọ dụng này biến thành ảnh tượng thân Tha thọ dụng, thì thấy ngồi đài hoa sen, chư Phật vây quanh, bất cứ việc gì cũng gánh vác được, tùy chỗ ưa thích mà thấy mỗi mỗi khác nhau, đều không đoạn dứt. Cho đến Đẳng Giác mới thấy hết phần lượng kia, nên đoạn trước nói mới thấy hết.

Nếu chưa lên địa vị Tịnh Tâm thì đài hoa Báo thân chẳng phải cảnh giới kia, nên ở cõi trời Sắc Cứu Cánh thị hiện thành Bồ-đề. Đây chính là Phật trên hoa sen ngàn cánh trong kinh Phạm Võng đã nói, vì giúp cho lợi căn nội giới thấy được Phật ngoại giới. Cho đến phàm phu ám độn tuy có đủ vô lượng chủng tánh hoặc mau hoặc chậm, hoặc Nhất thừa hoặc Ba thừa mà chưa được Tứ thiền, chưa xa lìa sự trói buộc của dục, thì thân Sắc Cứu Cánh cũng chưa phải cảnh giới của họ, nên lại thị hiện từ trời Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề thành Đẳng Chánh Giác. Đây chính là “Trăm ngàn ức Thích Ca” nói trong kinh Phạm Võng, vì giáo hóa người độn căn giới nội, và người căn cơ tuy nhạy bén mà chưa xa lìa được sự trói buộc của năm dục.

Nhưng dù cõi trời Sắc Cứu Cánh là đại hóa, và Diêm-phù là tiểu hóa cũng đều là dụng lớn của chân như, đều tức là Thể Tướng chân như, vì thế trong kinh Hoa Nghiêm nói tức ngay lúc phu nhân Ma-da sinh ra thái tử thì Ngài đã đầy đủ mười thân tướng hảo, chẳng phải bắt đầu bỏ Hóa thân để riêng tìm Pháp và Báo thân. Nên biết Sơ Phát Tâm Trụ đã khả năng có thể thị hiện tám tướng cõi Diêm-phù, cũng chắc chắn có thể thị hiện thân cõi trời Sắc Cứu Cánh. Nay địa vị cứu cánh thì có khả năng thị hiện thân ở cõi trời Sắc Cứu Cánh, cũng có thể thị hiện tám tướng cõi Diêm-phù. Trước nói địa vị Phát Tâm là cạn nên nương cõi Diêm-phù, nay nói địa vị Cứu cánh là sâu nên nương vào bốn thiền.

Một niệm tương ứng tuệ nghĩa là, đã chỉ bất giác vô thức làm hạt giống vô minh trong tàng thức, do hạt giống vô minh trong tàng thức chưa sạch hết cho nên không tương ứng với Tuệ trong Biệt cảnh. Nay do nhiều kiếp huân tu vô lậu, diệt hạt giống vô minh từ vô thức kia đều hết sạch, thì thức tám thanh tịnh bỗng tương ứng với Tuệ, gọi là trí Đại

viên cảnh. Từ một phen tương ứng này về sau sẽ được tương ứng mãi, nên nói chóng nhỏ gốc vô minh, vì có trí Nhất thiết chủng. Chỉ có trí Đại viên cảnh này và trí Bình đẳng tánh, trí Diệu quan sát ở trước, cùng quả trí Bình đẳng tánh ở sau, vì tục đế nên tướng có khác, vì tướng chẳng hoại nên nói bốn trí và tám thức; vì chân đế nên tướng không khác, chỉ là trí Như như. Trí Như như này không có pháp nào chẳng biết, không có pháp nào chẳng thấy nên gọi là Trí Nhất Thiết chủng, cũng gọi là Trí Kiến Phật, cũng gọi là Phật Nhãn.

Hỏi: Đã nói không đâu chẳng ở thì Sơ thiên, Nhị thiên, và Tam thiên cũng có thể thành Phật, đâu bắt buộc phải ở cõi trời Sắc Cứu Cánh?

Đáp: Ở đây có hai nghĩa:

Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát Thập địa ở cõi Tứ thiên thì thị hiện thành Phật ở cõi Tứ thiên.

Khi sắp thành Phật, vì nhập định Kim Cương Dụng thì nương và xả đều là thiên.

D2. Y theo thật giải nghi:

Chia làm hai:

E1. Giải thích về trí Nhất thiết chủng.

E2. Giải thích nhậm vận lợi sinh.

E1. Giải thích về trí Nhất thiết chủng:

Hỏi: Vì hư không vô biên nên thế giới vô biên, vì thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên, vì chúng sinh vô biên nên tâm hành khác nhau cũng vô biên; cảnh giới như thế không có giới hạn, khó biết khó hiểu. nếu vô minh hết, mãi mãi không có tâm tướng làm sao hiểu rõ nhất thiết chủng để thành trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Tất cả cảnh vọng từ xưa đến nay, đúng lý chỉ lấy nhất tâm làm thể tánh. tất cả chúng sinh chấp trước cảnh vọng, không thể biết tánh tất cả các pháp đệ nhất nghĩa, chư Phật, Như Lai không chấp trước thì có thể thấy thật tánh các pháp hiện tiền nên có trí tuệ lớn, hiển hiện chiếu soi tất cả nhiễm tịnh khác nhau, dùng vô lượng vô biên phương tiện khéo léo, tùy chỗ thích hợp mà làm lợi ích chúng sinh. Cho nên chỉ khi nào hết tâm vọng niệm mới hiểu rõ trí Nhất thiết chủng, trí thành Nhất thiết chủng.

Hiện thấy thật tánh các pháp nghĩa là trí Căn bản chứng chân đế. Hiển hiện chiếu soi nhiễm tịnh khác nhau nghĩa là trí Hậu đắc chiếu soi Tục đế. Rõ Tục đế do chứng chân đế nên gọi là Hậu đắc, như mắt không còn màng che sẽ thấy không thấy sắc, chẳng phải quả có trước

sau. phần còn lại đều rất dễ hiểu.

E2. Giải thích nghi nhậm vận lợi sinh:

Hỏi: Nếu chư Phật có vô biên phương tiện để nhậm vận lợi ích chúng sinh trong mười phương, vì sao chúng sinh không thường thấy Phật, hoặc thấy thần thông biến hóa hoặc nghe nói pháp?

Đáp: Như Lai thật có phương tiện như thế, chỉ cốt yếu đợi tâm chúng sinh thanh tịnh thân Phật mới hiện, như gương có bụi thì hình ảnh không hiện, lau bụi thì liền hiện. Chúng sinh cũng như vậy, tâm chưa lìa cấu uế thì Pháp thân không hiện, lìa cấu uế thì Pháp thân hiện.

Chánh văn cũng rất dễ hiểu.

Hỏi: Chỉ lìa tâm cấu uế liền thấy Pháp thân, đâu cần niệm Phật, quán tưởng Phật, xưng danh, lễ bái, vv ...phải không?

Đáp: Phật là người chứng tâm tánh trước, niệm Phật, quán tưởng, xưng danh, lễ bái ...đều là phương tiện nhiệm mầu để dứt trừ tâm cấu uế.

Phần Giải nghi đã xong.

